

TIẾT 9. BÀI 4. THỰC HÀNH: TRÌNH BÀY BÁO CÁO VỀ SỰ PHÂN HÓA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm để thực hiện nhiệm vụ thực hành.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

* Năng lực đặc thù:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:
 - > Sử dụng bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.
 - > Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.
 - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,...
 - + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
 - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.
 - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.
- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập.
- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định:

Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

* **Câu hỏi:** Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị để thực hành.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

1. Nội dung

- Thu thập tài liệu về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.
- Viết và trình bày báo cáo về sự phân hoá tự nhiên nước ta.

2. Nguồn tư liệu

- Nội dung bài 1, 2, 3.
- Thông tin thu thập từ sách, báo, internet,... liên quan đến nội dung báo cáo.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động. Thực hành

a) **Mục tiêu:** HS sưu tầm, hệ thống hóa được các tư liệu, số liệu và trình bày được báo cáo về sự phân hóa tự nhiên Việt Nam.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.

c) **Sản phẩm:** Sản phẩm hoàn thiện của HS theo gợi ý.

3. Gợi ý thực hiện

- Lựa chọn một thành phần tự nhiên: địa hình hoặc khí hậu hoặc sinh vật, viết báo cáo về sự phân hoá của thành phần tự nhiên đã lựa chọn theo chiều bắc - nam hoặc theo độ cao địa hình.

- **Gợi ý cấu trúc báo cáo:**

SỰ PHÂN HOÁ VIỆT NAM

1. Giới thiệu chung

2. Sự phân hoá

- Biểu hiện

- Nguyên nhân

- Ý nghĩa

*** THAM KHẢO**

SỰ PHÂN HOÁ KHÍ HẬU VIỆT NAM THEO CHIỀU BẮC - NAM

1. Giới thiệu chung

Khí hậu nước ta có sự phân hóa rõ rệt theo chiều Bắc - Nam....

2. Sự phân hoá

a. Biểu hiện

+ Phần lãnh thổ phía Bắc (toàn bộ lãnh thổ phía Bắc tới dãy núi Bạch Mã): Khí hậu đặc trưng là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C . Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên có một mùa đông lạnh với 2 – 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 18°C , biên độ nhiệt độ trung bình năm cao.

+ Phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy núi Bạch Mã trở vào phía Nam): Khí hậu mang sắc thái của khí hậu cận xích đạo gió mùa, có nền nhiệt độ cao, trung bình năm trên 25°C , biên độ nhiệt độ không quá 4 – 5°C . Khí hậu phân thành hai mùa: mùa mưa và mùa khô.

b. Nguyên nhân

- Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo chiều Bắc – Nam...

- Nước ta nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á và khu vực hoạt động của Tín phong bán cầu Bắc...

- Một số dãy núi có hướng tây - đông là bức chắn địa hình làm hạn chế ảnh hưởng của gió mùa tới một số vùng...

c. Ý nghĩa

Sự phân hoá thiên nhiên theo chiều bắc - nam, đặc biệt là phân hoá của khí hậu có ảnh hưởng tới quy hoạch, hướng chuyên môn hoá sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam. Phần lãnh thổ phía Bắc do khí hậu có một mùa đông lạnh nên có thể phát triển những vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả cận nhiệt đới (chè, hồi, quế, đào, lê,...). Phần lãnh thổ phía Nam với khí hậu cận xích đạo và ưu thế về đất phù hợp phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp nhiệt đới (cà phê, cao su, hồ tiêu,...).

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Loại đất chính ở đai ôn đới gió mùa trên núi ở nước ta là

A. phù sa.

B. fe-ra-lit.

C. mùn núi cao.

D. mùn.

Câu 2. Loại đất chính ở đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta là

A. phù sa. B. fe-ra-lit. C. mùn núi cao. D. mùn.

Câu 3. Loại đất phổ biến ở độ cao dưới 1700 m của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta là

A. phù sa. B. fe-ra-lit mùn. C. mùn thô. D. xám mùn.

Câu 4. Loài sinh vật chiếm ưu thế ở độ cao từ 2600 m trở lên ở nước ta là

A. thiết sam, lãnh sam. B. các loài cây nhiệt đới.
C. các loài thú lông dày. D. các loài thú to lớn.

Câu 5. Miền Bắc ở độ cao trên 600 - 700 m, miền Nam phải trên độ cao 900 - 1000 m mới có khí hậu cận nhiệt đới chủ yếu vì

A. miền Bắc mưa nhiều hơn.
B. miền Nam mưa nhiều hơn.
C. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.
D. nhiệt độ trung bình miền Nam cao hơn.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí vào các bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

II. Đúng - sai

Câu 6. Cho thông tin sau:

“... Nền nhiệt cao, nhiệt độ trung bình năm trên 20⁰C (trừ những vùng núi cao), trong đó miền Nam thường có nhiệt độ trung bình cao hơn miền Bắc. Hằng năm, nước ta nhận được nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn; tổng số giờ nắng dao động tùy nơi, trung bình từ 1400 đến 3000 giờ/năm”.

- a) Nhiệt độ trung bình năm của miền Bắc cao hơn miền Nam **(S)**.
- b) Tính chất nhiệt đới của khí hậu thể hiện rõ ở nước ta **(Đ)**.
- c) Nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn là do phần lớn lãnh thổ nằm ngoài chí tuyến (S).
- d) Tính chất của khí hậu có ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển và phân bố sinh vật **(Đ)**.

III. Trả lời ngắn

Câu 7. Theo quy luật đai cao, cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí sẽ giảm 0,6°C. Khi nhiệt độ không khí ở chân núi Phan-xi-păng là 22°C thì tại độ cao 2500 m của đỉnh núi này có nhiệt độ là bao nhiêu °C?

Đáp án: 7

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: **BÀI 5. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Ngày soạn: 2/10/2025

TIẾT 10-12. BÀI 5. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày và giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.
- Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.
- Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.
- Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường.
- Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:
 - > Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phân bố một số loại tài nguyên nước ta.
 - > Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với một số loại tài nguyên nước ta.
 - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được hiện tượng sự phân bố, hiện trạng sử dụng và khai thác một số loại tài nguyên thiên nhiên nước ta.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí
 - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
 - > Biết đọc và sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam, Atlas Địa lí Việt Nam.
 - > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: tỉ lệ che phủ rừng, tỉ lệ các loài sinh vật bị suy giảm...
 - + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
 - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về hiện trạng các loại tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở nước ta.
 - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hiện trạng sử dụng và giải pháp sử dụng hợp lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường ở nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tự hào trước sự phong phú, đa dạng của tài nguyên thiên nhiên.

- **Nhân ái:** Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng, bảo vệ tự nhiên và môi trường.

- **Chăm chỉ:** Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- **Trung thực** trong học tập.

- **Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ổn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình học.

3. **Hoạt động học tập:**

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Theo dõi và cho biết nội dung chính được đề cập qua ca khúc sau.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu video bài hát và cho HS trả lời câu hỏi để “Vượt qua thử thách”.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi và có 30 giây suy ngẫm sau đó trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: Tài nguyên thiên nhiên là nguồn nguyên liệu quan trọng cho phát triển kinh tế của đất nước. Môi trường là không gian sống, là nơi chứa đựng các chất thải do con người và sinh vật tạo ra. Hiện nay, nhiều loại tài nguyên thiên nhiên của nước ta đang bị suy giảm, nhiều địa phương có dấu hiệu bị ô nhiễm môi trường. Cần phải làm gì để sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên

a) **Mục tiêu:** HS trình bày và giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên và nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nước ta.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

Bảng 5. DIỆN TÍCH RỪNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1943 - 2021

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	2010	2015	2021
Tổng diện tích	14,3	13,4	14,1	14,7
- Diện tích rừng tự nhiên	14,3	10,3	10,2	10,1
- Diện tích rừng trồng	0	3,1	3,9	4,6

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm	Tài nguyên	Hiện trạng	Nguyên nhân suy giảm	Giải pháp
1, 4	Đất			

2, 5	Sinh vật			
3, 6	Nước			

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN			
Tài nguyên	Hiện trạng	Nguyên nhân suy giảm	Giải pháp
1. Đất	- Tổng diện tích đất tự nhiên là hơn 33,1 triệu ha, trong đó 84,5% là đất nông nghiệp, 11,9% là đất phi nông nghiệp và 3,6% là đất chưa sử dụng (2021). - Đất canh tác đang bị thoái hoá ở nhiều nơi: giảm độ phì, xói mòn, khô hạn, kết von, nhiễm mặn, nhiễm phèn, sạt lở và bị ô nhiễm.	Do tác động của sản xuất và sinh hoạt như: - Nạn chặt phá rừng. - Đốt rừng làm nương rẫy. - Lạm dụng hoá chất trong sản xuất nông nghiệp. - Chất thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt,... - Thiên tai và biến đổi khí hậu.	Kết hợp đồng bộ các giải pháp sau: - Xây dựng cơ chế chính sách để bảo vệ tài nguyên đất. - Bảo vệ rừng, trồng rừng. - Đối với đất đồi núi: canh tác hợp lý: đào hố vẩy cá, làm ruộng bậc thang, tiến hành canh tác nông lâm kết hợp. - Đối với vùng đồng bằng ven biển: + Cần thích ứng với biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan. + Thực hiện các kỹ thuật canh tác hợp lý. + củng cố, hoàn thiện các hệ thống đê ven biển, công trình thủy lợi... + Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức của người dân.
2. Sinh vật	Tài nguyên sinh vật đang bị suy giảm thể hiện: suy giảm tài nguyên rừng và suy giảm đa dạng sinh học: - Số lượng cá thể các loài hoang dã bị suy giảm nghiêm trọng. - Một số loài có nguy cơ tuyệt chủng.	- Khai thác quá mức. - Thiên tai và biến đổi khí hậu. - Đốt rừng làm nương rẫy. - Du canh du cư. - Chất thải ra môi trường không qua xử lý. - Sự xâm nhập của các loài ngoại lai,...	Cần phải kết hợp đồng bộ các giải pháp sau: - Thực hiện Luật Đa dạng sinh học và Luật Bảo vệ môi trường... - Quy hoạch, bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia. - Xử lý các chất thải. - Tăng cường trồng rừng, ngăn chặn nạn phá rừng.

	- Suy giảm nguồn gen di truyền. - Hệ sinh thái rừng nguyên sinh còn rất ít. - Các hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô có nguy cơ suy giảm đáng kể.		- Khai thác tài nguyên sinh vật hợp lí. - Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức của người dân...
3. Nước	Tình trạng suy giảm tài nguyên nước là một vấn đề đáng báo động: - Nguồn nước mặt ở nhiều nơi đang bị suy giảm và ô nhiễm. - Nguồn nước ngầm ở một số khu vực hạ thấp đáng kể. - Nhiều khu vực thiếu nước ngọt vào mùa khô.	- Biến đổi khí hậu. - Khai thác quá mức. - Chất thải, nước thải sản xuất và sinh hoạt. - Lạm dụng phân hoá học trong nông nghiệp. - Phá rừng đầu nguồn...	- Ban hành các bộ luật về việc sử dụng hợp lí tài nguyên nước. - Việc quản lí tài nguyên nước phải bảo đảm sự thống nhất và có sự phối hợp chặt chẽ... - Sử dụng tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, bình đẳng... - Bảo vệ và duy trì các khu vực nguồn nước quan trọng, đảm bảo sự tái tạo. - Tuyên truyền, giáo dục ý thức của cộng đồng...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu hiện trạng và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam

a) Mục tiêu: HS chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm	Môi trường	Hiện trạng	Nguyên nhân
1,4	Môi trường không khí		
2,5	Môi trường nước		

3,6	Môi trường đất		
-----	----------------	--	--

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng và nguyên nhân ô nhiễm môi trường ở Việt Nam

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta đang là vấn đề cấp bách, mức độ ô nhiễm ở một số khu vực ngày càng gia tăng.

Môi trường	Hiện trạng	Nguyên nhân
Môi trường không khí	- Ô nhiễm bụi mịn tại một số thành phố lớn diễn ra nghiêm trọng. - Không khí tại các khu công nghiệp, khu vực sản xuất, kinh doanh bị ô nhiễm. - Tình trạng ô nhiễm bụi ở vùng nông thôn cũng diễn ra nghiêm trọng.	- Khói bụi từ các phương tiện giao thông. - Do khí thải từ sản xuất. - Do hoạt động nông nghiệp, do đốt phế phẩm nông nghiệp.
Môi trường nước	- Môi trường nước ở một số đoạn sông bị ô nhiễm. - Nguồn nước ngầm nhiều nơi bị nhiễm mặn. - Nước biển ở một số nơi bị ô nhiễm	- Do chất thải, nước thải từ đô thị, làng nghề. - Do khai thác quá mức. Biến đổi khí hậu... - Do nước thải, rác thải nhựa từ các thành phố ven biển và các khu vực du lịch.
Môi trường đất	Nhiều nơi bị ô nhiễm nặng nề.	Do tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật.

EM CÓ BIẾT?

Môi trường không khí bị ô nhiễm khi có từ một thông số cơ bản vượt giới hạn tối đa được quy định bởi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. Giá trị giới hạn tối đa một số thông số cơ bản trong không khí xung quanh.

Thông số	Trung bình các giá trị đo trong 1 giờ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)
Tổng bụi lơ lửng có đường kính $\leq 100 \mu\text{m}$	300
NO_2	200
CO_2	30 00
SO_2	350
O_2	200

(Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí)

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu giải pháp bảo vệ môi trường

a) Mục tiêu: HS nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Nêu các giải pháp bảo vệ môi trường ở nước ta.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Các giải pháp bảo vệ môi trường

- Thực hiện tốt Luật Bảo vệ môi trường.
- Kiểm soát, phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái.
- Tăng cường trồng và bảo vệ rừng.
- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải, nước thải; lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội.
- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân cần được phân loại để tái chế.
- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Tại sao vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường được quan tâm đặc biệt ở nước ta hiện nay?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường được quan tâm đặc biệt ở nước ta hiện nay là vì trong nhiều thập kỷ, việc phát triển kinh tế ở nước ta có phần thiên về chiều rộng, dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, trong khi lại thiếu quy hoạch bài bản, dẫn đến nguồn tài nguyên ngày càng cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở nhiều nơi,... Sự suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường đã ảnh hưởng xấu đến đời sống của con người và sự phát triển bền vững của đất nước. Thực tiễn này đặt ra nhu cầu phát triển kinh tế phải kết hợp chặt chẽ, hài hòa với phát triển xã hội, khai thác tài nguyên phải đi đôi với việc sử dụng hợp lý và bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Viết đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lí tài nguyên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* **Gợi ý:**

Ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, đến mức báo động, làm suy giảm chất lượng môi trường sống và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe nhân dân. Bảo vệ môi trường là nghĩa vụ, trách nhiệm của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người, đồng thời là nhiệm vụ quan trọng của từng địa phương. Để thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường ở địa phương, toàn dân cần gương mẫu trong những việc làm như: mỗi gia đình, cá nhân hãy cam kết nói không với ô nhiễm môi trường. Thực hiện bằng những hành động cụ thể, đó là thường xuyên giữ gìn vệ sinh quanh khu vực nhà ở, cải tạo vườn, ao, chuồng trại chăn nuôi để nhà luôn sạch, vườn luôn xanh. Tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường chung, khơi thông cống rãnh, phát quang các bờ bụi rậm đường làng, ngõ xóm, không xả nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi ra kênh rạch chung. Tích cực xây dựng hầm khí sinh học biogas xử lý chất thải chăn nuôi. Các thôn xóm thành lập, duy trì hoạt động các tổ, đội tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường, thu gom rác thải sinh hoạt, mô hình vệ sinh đồng ruộng, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; các thôn xóm thực hiện tốt quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường, đồng thời chủ động thường xuyên thông tin về UBND xã về công tác bảo vệ Môi Trường, dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm trên địa bàn xã. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe của người dân, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, thực hiện nếp sống văn minh, môi trường trong lành. Mọi người, mọi nhà hãy có ý thức tự giác thu gom, xử lý rác thải, thực hiện 3 sạch (sạch nhà, sạch ngõ, sạch đường), theo phương châm “Nhà sạch vườn xanh, đường bê tông, sông không rác”. Duy trì và coi đây là việc làm thường xuyên, phong trào chung tay bảo vệ môi trường đường làng ngõ xóm, góp phần xây dựng xã giàu đẹp, văn minh.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: BÀI 6. DÂN SỐ VIỆT NAM

